

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/HS-ST-CTN
Ngày 13-01-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Văn Chấn.

Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Thanh Hải;
2. Ông Cao Hoàng Phong;
3. Bà Lê Kim Chi.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:

1. Ông Chu Xuân Tùng;
2. Bà Nguyễn Thị Hoa Mỹ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:

1. Ông Nguyễn Công Ninh - Kiểm sát viên;
2. Bà Trịnh Thị Mỹ Tâm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 10/2021/TLST-HS-CTN ngày 15 tháng 9 năm 2021; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2021/QĐXXST-HS-CTN ngày 30 tháng 11 năm 2021; Thông báo dời ngày xét xử số 15/2021/TB-TA ngày 13 tháng 12 năm 2021 và Thông báo mở lại phiên tòa số 01/2022/TB-TA ngày 04 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang đối với các bị cáo:

1. **Trịnh Phước Đ**, sinh năm 1995; Giới tính: Nam; Nơi thường trú: Số X, ấp B, thị trấn N, huyện T, tỉnh An Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Đạo Phật; Trình độ học vấn: Lớp 9/12; Nghề nghiệp: Mua bán; Cha: Trịnh Ngọc C, sinh năm 1974; Mẹ: Phạm Thị Nhật P, sinh năm 1975; Anh, chị, em: Có 02 người, bị cáo là người thứ nhất; Vợ: Nguyễn Thị Xuân, sinh năm 1997;

- Tiền án, tiền sự: Không.

- Bị cáo bị tạm giam từ ngày 10/4/2021 đến nay.

- Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. **Nguyễn Ngọc H** (Tú Méo), sinh ngày 25/7/1998; Giới tính: Nam; Nơi cư trú: Ấp T, xã BT, huyện T, tỉnh An Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật giáo Hòa Hảo; Trình độ học vấn: 8/12; Nghề nghiệp: Làm thuê; Cha: Nguyễn Ngọc Ch, sinh năm 1969; Mẹ: Trần Thị H, sinh năm 1971; Anh, chị, em: Có 02 người, bị cáo là người thứ hai;

- Tiền án, tiền sự: Không;

- Bị cáo bị tạm giam từ ngày 06/6/2021 đến nay;

- Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. **Trần Kim B** (Ty Na), sinh ngày 27/10/2003; Giới tính: Nữ; Nơi thường trú: Khóm TL, thị trấn CT, huyện TT, tỉnh An Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Đạo Phật; Trình độ học vấn: Lớp 5/12; Nghề nghiệp: Không; Cha: Trần Văn Sang, sinh năm 1979; Mẹ: Trần Kim The, sinh năm 1983; Anh, chị, em: Có 03 người, bị cáo là người thứ hai;

- Tiền án, tiền sự: Không;

- Bị cáo bị tạm giam từ ngày 03/6/2021 đến nay;

- Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. **Võ Văn G**, sinh năm 2001; Giới tính: Nam; Nơi thường trú: Ấp T, xã TH, huyện TH, tỉnh K; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Đạo Phật; Trình độ học vấn: Lớp 9/12; Nghề nghiệp: Làm thuê; Cha: Võ Thanh Long, sinh năm 1974; Mẹ: Danh Thị Thu, sinh năm 1975; Anh, chị, em: Có 02 người, bị cáo là người thứ hai;

- Tiền án, tiền sự: Không;

- Bị can bị tạm giam từ ngày 04/02/2021 đến nay;

- Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

5. **Thái Văn N** (N Nhỏ), sinh ngày 11/11/2003; Giới tính : Nam; Nơi thường trú: Ấp H, xã Đ, huyện T, tỉnh An Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Đạo Phật; Trình độ học vấn: Lớp 9/12; Nghề nghiệp: Làm thuê; Cha: Thái Văn Th, sinh năm 1974; Mẹ: Nguyễn Thị Út H, sinh năm 1973; Anh, chị, em: Có 02 người, bị cáo là người thứ hai;

- Tiền án, tiền sự: Không;

- Bị cáo bị tạm giam từ ngày 04/02/2021 đến ngày 14/5/2021 được cho tại ngoại;

- Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

* *Người bào chữa:*

1. Luật sư Nguyễn Thành T – Công ty Luật TNHH MTV Tân Thành, Đoàn luật sư tỉnh An Giang bào chữa theo yêu cầu cho bị cáo Trịnh Phước Đ.

Địa chỉ: Số 30 Nguyễn Huệ A, khóm 1, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. (có mặt)

2. Trợ giúp viên pháp lý: Bà Phạm Thanh Ái D – Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh An Giang, bào chữa chỉ định cho bị cáo Trần Kim B.

Địa chỉ: Số 8 Lý Thường Kiệt, Phường Mỹ Bình, Thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. (có mặt)

3. Trợ giúp viên pháp lý: Bà Văng Thị V – Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh An Giang, bào chữa chỉ định cho bị cáo Thái Văn N.

Địa chỉ: Số 8 Lý Thường Kiệt, Phường Mỹ Bình, Thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. (có mặt)

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Trịnh Ngọc C, sinh năm 1974;

Nơi cư trú: Ấp B, Thị trấn N, huyện T, tỉnh An Giang; (có mặt)

2. Phan Thị Nhật P, sinh năm 1975;

Nơi cư trú: Ấp B, Thị trấn N, huyện T, tỉnh An Giang; (có mặt)

3. Huỳnh G, sinh năm 2006;

Nơi cư trú: Ấp B, Thị trấn N, huyện T, tỉnh An Giang; (vắng mặt)

4. Trần Văn Nghĩa E, sinh năm 2003;

Nơi cư trú: Ấp T, xã BT, huyện T, tỉnh An Giang; (vắng mặt)

5. Nguyễn Ngọc An K, sinh năm 2003;

Nơi cư trú: Ấp T, xã BT, huyện T, tỉnh An Giang; (vắng mặt).

6. Hồ Đình T, sinh năm 2003;

Nơi cư trú: Ấp B, thị trấn N, huyện T, tỉnh An Giang; (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ 30 ngày 03/02/2021, Đội Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an huyện T tiến hành kiểm tra tại phòng Vip 5555 quán Karaoke “Ruby” thuộc tổ 2, ấp Tây Bình, xã Thoại Giang, huyện T, tỉnh An Giang do Trịnh Ngọc C và Phan Thị Nhật P quản lý phát hiện có 09 người gồm Huỳnh Công H1 (Hải, Đặt, Đạt), Nguyễn Thị Th, Võ Chí V, Lê Trọng D, Nguyễn Văn Ng, Nguyễn Ngọc Giao L (là khách đến hát Karaoke), Nguyễn Thị Chúc L, Nguyễn Thị Ngọc H, Huỳnh Thị Huỳnh Nh, Huỳnh G (là nhân viên) đang uống bia và trong phòng có 02 bọc nylon có chứa tinh thể màu trắng cùng 02 viên nén màu xanh hình trái tim (nghi ma túy), khi đó Võ Văn G và Thái Văn N (nhân viên quán Karaoke “Ruby”) khai nhận là ma túy của Trịnh Phước Đ (con của C) đưa Nguyễn Ngọc H (Tú Méo), Trần Kim B (Ty Na – bạn gái của H) để giao lại cho G, N bán cho

khách với giá 3.100.000 đồng nên Đội Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an huyện T đã chuyển giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T, lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với G, N và thu giữ vật chứng. Đồng thời, khám xét khẩn cấp nơi ở của Trịnh Phước Đ (phía sau quán Karaoke “Ruby”) thu giữ: 02 bọc ny lon đựng tổng cộng 250 viên nén màu xanh hình trái tim, 01 bọc nylon chứa tinh thể màu trắng, 01 bọc nylon chứa chất bột màu hồng, 01 bọc nylon chứa một khối rắn màu cam, 55 viên đạn, 01 cân tiểu ly và nhiều vật dụng liên quan khác; khám xét khẩn cấp nơi ở của H và B tại phòng số 2 quán Karaoke “Ruby” thu giữ: 02 bọc nylon chứa tinh thể màu trắng, 01 cân tiểu ly và các vật dụng khác.

Ngày 10/4/2021, Đ bị bắt khẩn cấp, còn H, B đầu thú vào các ngày 03 và 06/6/2021. Ngày 12/02/2021, ngày 19/4/2021 và ngày 11/6/2021, G, N, Đ, H và B bị khởi tố để điều tra.

** Quá trình điều tra, xác định:*

Năm 2017, gia đình Trịnh Phước Đ kinh doanh quán Karaoke “Ruby”, để lôi kéo khách Đ nảy sinh ý định mua ma túy bán lại cho khách sử dụng tại quán nhằm thu lợi và có ma túy sử dụng. Khoảng cuối tháng 6/2020, thông qua mạng xã hội (Zalo), Đ biết một thanh niên (không rõ họ, địa chỉ) ở Thành phố Hồ Chí Minh có bán ma túy nên từ cuối tháng 6/2020 đến ngày 28/01/2021, Đ liên lạc mua ma túy 07 lần đều do người thanh niên này đem ma túy đến quán Karaoke “Ruby” bán cho Đ. Cụ thể:

- Lần đầu: Đ mua 02 bọc ma túy (thuốc lắc, kẹo) dạng bột (khối lượng khoảng 200 gam) giá 151.000.000 đồng, nhưng không bán được do khách không sử dụng ma túy dạng bột nên Đ cất giấu trong phòng ở của Đ tại quán Karaoke “Ruby” cho đến ngày bị phát hiện;

- Từ lần 2 đến lần 7: Đ mua mỗi lần từ 02 hộp ma túy (dạng khay) và 50 viên ma túy (dạng kẹo) đến 08 hộp ma túy (dạng khay) và 300 viên ma túy (dạng kẹo) với giá từ 28.000.000 đồng đến 151.000.000 đồng.

Số ma túy mua được, Đ trực tiếp phân lẻ bán cho khách hoặc đưa ma túy cho H (nhân viên quản lý quán) bán cho khách tại quán Karaoke “Ruby” hoặc đến các điểm hẹn trên địa bàn tỉnh An Giang, Kiên Giang bán cho những người nghiện như Tú Lem, A Vàng, Tương, Tuấn, A Sách, A Nhiều, Thành Âu, Tân Lầy, Ngọc, Đủ, Mỹ Hải Sản, A Lý, A Lê... (không rõ họ tên, địa chỉ) nhiều lần (không nhớ rõ số lần) với giá 500.000 đồng – 1.000.000 đồng/chăm khay, 250.000 đồng đến 300.000 đồng/viên kẹo. Đồng thời, Đ còn giao ma túy cho H cất giấu tại phòng ở của H để giao lại cho B, G, N (nhân viên, tiếp viên của quán) đem bán cho khách khi có yêu cầu. Trong đó: B giúp Đ, H lấy ma túy bán cho khách 04 – 05 lần; G giúp Đ, H bán ma túy cho khách 05 lần; còn N giúp Đ, H bán ma túy cho khách 03 lần (theo H, B, G, N khai có Nguyễn Ngọc An K (Tú Em), Hồ Đình T, Nguyễn Duy Khang, Huỳnh Đức Lợi là nhân viên của quán Karaoke “Ruby” tham gia tiếp giúp Đ, H bán ma túy cho khách nhiều lần nhưng qua điều tra các đối tượng này đã bỏ đi khỏi địa phương, hoặc không rõ địa chỉ).

Đêm 03/02/2021, Huỳnh G (Vân, sinh ngày 23/4/2006) là tiếp viên của quán nhậu tin cho Đ biết khách tại phòng Vip 5555 hỏi mua ma túy để sử dụng tại quán nên Đ nhắn tin cho G biết, khi đó G kêu N đến gặp B lấy ma túy đem bán cho khách tại phòng Vip 5555 thu được 3.100.000 đồng (theo N khai bán cho Huỳnh Công H1 (Hải, Đạt, Đặt) nhưng H1 không thừa nhận) thì bị Công an phát hiện bắt quả tang đối với G, N; khám xét nơi ở của Đ, H thu giữ số ma túy của Đ chưa bán được, ngoài ra còn thu giữ 55 viên đạn Đ đặt mua của Trương Thị Th thông qua mạng xã hội cất giấu tại quán Karaoke “Ruby” và các vật dụng có liên quan khác. Ngay sau khi sự việc bị phát hiện, Đ bỏ trốn đến ngày 10/4/2021 bị bắt khẩn cấp; còn B, H bỏ trốn đến ngày 03 và 06/6/2021 ra đầu thú.

Trong thời gian bán ma túy, Đ thu lợi 139.500.000 đồng, cho H 45.000.000 đồng, còn hưởng lợi 94.500.000 đồng; số tiền 45.000.000 đồng Đ cho, H chia lại nhân viên trong quán tham gia cùng H bán ma túy (không nhớ rõ số tiền), H còn thu lợi 9.600.000 đồng tiêu xài.

* Căn cứ Kết luận giám định số 41/KLGT-PC09(MT) ngày 11/02/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh An Giang, kết luận:

- Mẫu M1, gửi đến giám định là ma túy, loại: Ketamine, có khối lượng: 0,9353 gam.

- Mẫu M2, gửi đến giám định là ma túy, loại: MDMA, có khối lượng: 0,8983 gam.

* Căn cứ Kết luận giám định số 53/KLGT-PC09(MT) ngày 10/3/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh An Giang, kết luận:

- Mẫu M1, gửi đến giám định là ma túy, loại: MDMA, có khối lượng: 11,1745 gam.

- Mẫu M2, gửi đến giám định là ma túy, loại: MDMA, có khối lượng: 88,9079 gam.

- Mẫu M3, gửi đến giám định là ma túy, loại: Ketamine, có khối lượng: 18,6368 gam.

- Mẫu M4, gửi đến giám định là ma túy, loại: MDMA, có khối lượng: 40,8641 gam.

- Mẫu M5, gửi đến giám định là ma túy, loại: MDMA, có khối lượng: 162,9709 gam.

* Căn cứ Kết luận giám định số 54/KLGT-PC09(MT) ngày 12/3/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh An Giang, kết luận:

- Mẫu M1, gửi đến giám định là ma túy, loại: Ketamine, có khối lượng: 2,8695 gam.

- Mẫu M2, gửi đến giám định là ma túy, loại: Ketamine, có khối lượng: 3,3910 gam.

* Căn cứ Kết luận giám định số 1186/C09B ngày 19/02/2021 của Phân viện khoa học hình sự Bộ Công an, kết luận:

- 50 viên đạn hình trụ tròn bằng kim loại màu vàng, dài 22mm, đầu đạn cùng ký hiệu OZK 9mm gửi đến giám định là đạn cao su cỡ (9x22)mm và thuộc nhóm công cụ hỗ trợ. Loại đạn này thường sử dụng để bắn cho một số loại súng công cụ hỗ trợ cỡ 9mm.

- 05 viên đạn bằng kim loại dài 23mm, đầu đạn cùng ký hiệu SBP 7,65 gửi giám định là đạn quân dụng cỡ (7,65x17)mm; loại đạn này thường sử dụng để bắn cho một số loại súng quân dụng cỡ nòng 7,65mm như: CZ50, Mauser HSc, Sauer 38H, Walther PP....

* *Lời khai những người làm chứng và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Nguyễn Thị Ngọc H, Nguyễn Thị Chúc L, Huỳnh Thị Huỳnh Nh, Huỳnh G, Trương Tiểu B1, Đỗ Thị Anh Th, Trần Thị Châu Đ1 (nhân viên quán Karaoke “Ruby”) khai: Đêm 03/02/2021, Huyền, Linh, Giao, Như có tham gia tiếp khách tại phòng Vip 5555 và khách có yêu cầu mua ma túy để sử dụng nên Giao nhắn tin cho Đ biết. Sau đó G, N đem ma túy vào phòng Vip 5555 bán cho khách thì bị Công an phát hiện bắt quả tang như nội dung vụ án đã nêu. Trong thời gian, làm tiếp viên quán Karaoke “Ruby”, có tham gia sử dụng ma túy với khách đến hát karaoke và có thấy các bị can bán ma túy khi khách có yêu cầu.

- Huỳnh Công H1, Nguyễn Thị Th, Võ Chí V, Lê Trọng D, Nguyễn Văn Ng, Nguyễn Ngọc Giao L:

Khoảng 20 giờ 30 ngày 03/02/2021, có ở phòng Vip 5555 quán Karaoke “Ruby” hát Karaoke với tiếp viên của quán, đến khoảng hơn 22 giờ cùng ngày thì Công an đến kiểm tra phát hiện trong phòng có 02 bọc nylon có chứa tinh thể màu trắng cùng 02 viên nén màu xanh hình trái tim (nghi ma túy). H1, Thủy, Vỹ, Dĩ, Ngoan, Linh không tham gia mua bán, sử dụng ma túy tại quán.

- Trịnh Ngọc C, Phạm Thị Nhật P (chủ cơ sở kinh doanh quán karaoke “Ruby”) trình bày: C là người đứng tên giấy phép kinh doanh quán, P thường ngày trực tiếp quản lý quán, việc Đ mua bán ma túy tại quán, C, P không biết.

- Trương Thị Th, khai: Thông quan mạng xã hội, Th nhiều lần bán túi Zip mini bằng chất liệu nylon cho Đ, chứ không có mua bán đạn quân dụng, đạn cao su với Đ.

Trong quá trình điều tra các bị cáo Trịnh Phước Đ, Nguyễn Ngọc H, Trần Kim B, Võ Văn G và Thái Văn N khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với lời khai của những người làm chứng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, kết luận giám định, vật chứng thu giữ và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

Tại Cáo trạng số 69/CT-VKSAG-P1 ngày 14/9/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang đã truy tố các bị cáo:

- Trịnh Phước Đ về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại điểm h khoản 4 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

- Nguyễn Ngọc H, Trần Kim B, Võ Văn G, Thái Văn N về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Tại phiên tòa các bị cáo Trịnh Phước Đ, Nguyễn Ngọc H, Trần Kim B, Võ Văn G và Thái Văn N khai nhận hành vi phạm tội mua bán trái phép chất ma túy nhiều lần với số lượng ma túy như Viện kiểm sát đã truy tố, chỉ xin giảm nhẹ hình phạt, các bị cáo biết việc làm của mình là vi phạm pháp luật, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để sớm trở về với gia đình.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa, sau khi xét hỏi, tranh luận, xem xét tính chất, vai trò, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo; xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; giữ nguyên Cáo trạng như đã truy tố đối với các bị cáo Trịnh Phước Đ, Nguyễn Ngọc H, Trần Kim B, Võ Văn G và Thái Văn N. Đề nghị Hội đồng xét xử:

** Về trách nhiệm hình sự:*

- Áp dụng: điểm h khoản 4 Điều 251; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, o khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Trịnh Phước Đ 20 năm tù, về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Không áp dụng hình phạt bổ sung do bị cáo sống lệ thuộc vào gia đình, không có nghề nghiệp ổn định.

- Áp dụng: điểm b khoản 2 Điều 251; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Ngọc H từ 08 năm đến 10 năm tù, về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Không áp dụng hình phạt bổ sung vì bị cáo thuộc thành phần nhân dân lao động nghèo.

- Áp dụng: điểm b khoản 2 Điều 251; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017

Xử phạt: Bị cáo Võ Văn G từ 07 năm đến 09 năm tù, về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Không áp dụng hình phạt bổ sung vì bị cáo thuộc thành phần nhân dân lao động nghèo.

- Áp dụng: điểm b khoản 2 Điều 251; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 54; Điều 58; khoản 6 Điều 91; khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Trần Kim B từ 05 năm đến 06 năm tù, về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Không áp dụng hình phạt bổ sung vì bị cáo là người dưới 18 tuổi.

- Áp dụng: điểm b khoản 2 Điều 251; điểm r, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 54; Điều 58; khoản 6 Điều 91; khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Thái Văn N từ 04 năm đến 05 năm tù, về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Không áp dụng hình phạt bổ sung vì bị cáo là người dưới 18 tuổi.

** Các biện pháp tư pháp:*

Áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự đề xuất:

- Buộc bị cáo Đ nộp số tiền 94.500.000 đồng, trong giai đoạn xét xử bị cáo đã tác động gia đình nộp số tiền 80.000.000 đồng để khắc phục hậu quả, bị cáo còn phải nộp 14.500.000 đồng; Buộc bị cáo H nộp số tiền 9.600.000 đồng do thu lợi bất chính từ việc phạm tội. Riêng các bị cáo G, N, Kim B đề nghị không áp dụng.

- Tịch thu tiêu hủy số ma túy đã thu giữ trong vụ án và các vật chứng khác không có giá trị sử dụng.

- Giao 05 viên đạn quân dụng và 50 viên đạn cao su cho Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh An Giang xử lý theo quy định.

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước:

+ Số tiền 24.500.000 đồng thu giữ của bị cáo H và bị cáo N có được từ việc phạm tội.

+ 01 điện thoại hiệu Vivo 1915 của Võ Văn G là phương tiện sử dụng vào việc phạm tội.

- Trả lại các giấy tờ không liên quan đến việc phạm tội:

+ Số tiền 2.500.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu vàng gold; 01 điện thoại di động hiệu NOKIA màu xanh xám; 01 giấy phép lái xe hạng A1 và Giấy chứng minh nhân dân của bị cáo Nguyễn Ngọc H.

+ 02 điện thoại di động hiệu Iphone và Oppo của bị cáo Trịnh Phước Đ.

+ 01 đầu thu hiệu Puratech, model: PRC, 3700A 8CH AHD 5MP, Power: 12VDC của bà Phan Thị Nhật P.

+ 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy Wide4 của Nguyễn Ngọc An K.

- + 01 điện thoại di động hiệu Iphone Xs Max của Hồ Đình T.
- + 01 điện thoại di động hiệu OPPO của Trần Văn N E.
- + 01 điện thoại di động hiệu Iphone của Huỳnh G.

* Luật sư trình bày lời bào chữa cho bị cáo Trịnh Phước Đ: Thống nhất về tội danh và khung hình phạt như Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo. Tuy nhiên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ như: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện khai ra các tình tiết, hành vi phạm tội trước đó; tác động gia đình nộp tiền khắc phục hậu quả; bị cáo là bộ đội xuất ngũ được khen thưởng trong thời gian thực hiện nghĩa vụ quân sự, gia đình có công với đất nước; bị cáo có con nhỏ mới sinh từ lúc bị giam tới nay chưa được gặp con của mình là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra theo tinh thần Nghị quyết 01/2001 của Tòa án nhân dân tối cao tại điểm a khoản 3.1 Điều 3 thì tổng khối lượng ma túy bị cáo Đ mua về để bán lại là 304,8157 gam MDMA và 25,8326 gam Ketamine trong đó có 203,8 gam MDMA không có người mua Đ phải bỏ số ma túy này nên xin Hội đồng xét xử xem xét tình tiết này để giảm nhẹ cho bị cáo. Từ các phân tích trên, xét thấy các tình tiết giảm nhẹ nhiều hơn nên đề nghị áp dụng điểm b khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt cụ thể là 20 năm tù cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo.

* Trợ giúp viên pháp lý trình bày lời bào chữa cho bị cáo Trần Kim B trình bày: Thống nhất về tội danh và khung hình phạt như Viện kiểm sát truy tố, không tranh luận. Tuy nhiên đề nghị Hội đồng xét xử có quan tâm xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ rõ thái độ ăn năn hối cải; chưa có tiền án, tiền sự; xuất thân là thành phần lao động nghèo ở vùng đặc biệt khó khăn nên nhận thức pháp luật còn hạn chế; bị cáo thực hiện hành vi phạm tội là người dưới 18 tuổi, nên được xem xét áp dụng chính sách khoan hồng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội; ngoài ra đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm b bởi vì bị cáo Đ đã đồng tiền thu lợi bất chính mà bản thân bị cáo B cũng không thu lợi được gì, do đó đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt thấp nhất như Viện kiểm sát đề nghị cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo.

* Trợ giúp viên pháp lý trình bày lời bào chữa cho bị cáo Thái Văn N trình bày: Thống nhất về tội danh và khung hình phạt như Viện kiểm sát truy tố, không tranh luận. Tuy nhiên đề nghị Hội đồng xét xử có quan tâm xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ rõ thái độ ăn năn hối cải; chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo thực hiện hành vi phạm tội là người dưới 18 tuổi, nên được xem xét áp dụng chính sách khoan hồng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội; tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong quá trình giải quyết vụ án; bị cáo giúp sức cho Đ, N thực hiện tội phạm nhưng là nhân viên chịu sự phân công, quản lý của các bị cáo khác chứ không thu lợi gì trong hoạt động mua bán ma túy. Do đó, đề nghị

Hội đồng xét xử xem xét áp dụng hình phạt cho bị cáo sang khoản 1 Điều 251 hưởng mức án đầu khung là 2 năm tù cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:

Trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Trong vụ án này có một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa không rõ lý do, mặc dù Tòa án đã tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ. Xét thấy, sự vắng mặt của họ không gây trở ngại đến việc xét xử giải quyết vụ án; mặt khác, những người này đã có lời khai trong quá trình điều tra, khi cần thiết Hội đồng xét xử sẽ công bố lời khai của họ trước tòa. Căn cứ Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Những chứng cứ xác định hành vi phạm tội của các bị cáo:

Tại phiên tòa, cũng như trong giai đoạn điều tra các bị cáo Trịnh Phước Đ, Nguyễn Ngọc H, Trần Kim B, Võ Văn G, Thái Văn N khai nhận hành vi phạm tội của mình như Viện kiểm sát truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo này đã chứng minh cho hành vi phạm tội của bị cáo khác và ngược lại; phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; Biên bản bắt người phạm tội quả tang; Kết luận giám định số 41/KLGT-PC09(MT) ngày 11/02/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh An Giang; Kết luận giám định số 53/KLGT-PC09(MT) ngày 10/3/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh An Giang; Kết luận giám định số 54/KLGT-PC09(MT) ngày 12/3/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh An Giang; Kết luận giám định số 1186/C09B ngày 19/02/2021 của Phân viện khoa học hình sự Bộ Công an và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, đã có đầy đủ căn cứ để kết luận: Các bị cáo Trịnh Phước Đ, Nguyễn Ngọc H, Trần Kim B, Võ Văn G, Thái Văn N đã có hành vi mua bán trái phép chất ma túy để thu lợi bất chính, bị phát hiện thu giữ 304,8157 gam MDMA và 25,8326 gam Ketamine. Trong đó:

- Trịnh Phước Đ là người thực hành, mua bán ma túy 02 lần trở lên và xúi giục người dưới 18 tuổi vào việc phạm tội, với khối lượng ma túy phải chịu trách nhiệm là 304,8157 gam MDMA và 25,8326 gam Ketamine;

- Nguyễn Ngọc H là đồng phạm với vai trò, thực hành giúp sức tích cực cho bị cáo Trịnh Phước Đ mua bán ma túy 02 lần trở lên và xúi giục người dưới 18

tuổi vào việc phạm tội, với khối lượng ma túy phải chịu trách nhiệm là 7,1958 gam Ketamine và 0,8983 gam MDMA;

- Các bị cáo Trần Kim B, Võ Văn G, Thái Văn N là đồng phạm với vai trò thực hành, giúp sức cho Trịnh Phước Đ, Nguyễn Ngọc H mua bán ma túy 02 lần trở lên, với khối lượng ma túy phải chịu trách nhiệm là 0,9353 gam Ketamine và 0,8983 gam MDMA;

Cho nên, hành vi của bị cáo Trịnh Phước Đ đã phạm vào tội “Mua bán trái phép chất ma túy” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm h khoản 4 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, (4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình: h) Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng số lượng của các chất đó tương đương với số lượng chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm a đến điểm g khoản này);

Hành vi của các bị cáo Nguyễn Ngọc H, Trần Kim B, Võ Văn G, Thái Văn N về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” qui định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, (2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm: a) ... b) Phạm tội 02 lần trở lên);

Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang đã truy tố các bị cáo Trịnh Phước Đ, Nguyễn Ngọc H, Trần Kim B, Võ Văn G, Thái Văn N về tội danh và điều luật như đã viện dẫn là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Đối với:

- Trịnh Phước Đ có hành vi mua, tàng trữ 50 viên đạn công cụ hỗ trợ và 05 viên đạn quân dụng là vi phạm pháp luật. Nhưng xét thấy số lượng ít và chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự nên Cơ quan điều tra không truy cứu thêm trách nhiệm hình sự là phù hợp với pháp luật.

- Huỳnh G (Vân, sinh ngày 23/4/2006), có hành vi giúp sức cho Đ, H bán ma túy trong ngày 03/02/2021. Nhưng xét thấy, khi thực hiện hành vi Huỳnh G chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự nên Cơ quan điều tra chuyển xử lý khác là phù hợp.

- Trương Thị Th, chưa cơ sở quy kết bán 50 viên đạn công cụ hỗ trợ và 05 viên đạn quân dụng cho Trịnh Phước Đ nên Cơ quan điều tra không đề nghị xử lý đối với Thủy là có căn cứ.

- Trần Văn Nghĩa E, Nguyễn Ngọc An K (Tú Em), Hồ Đình T, Người thanh niên ở Thành phố Hồ Chí Minh và các đối tượng tên Nguyễn Duy Khang, Huỳnh Đức Lợi, Tú Lem, A Vàng, Trương, Tuấn, A Sách, A Nhiều, Thành Âu, Tân Lầy, Ngọc, Đủ, Mỹ Hải Sản, A Lý, A Lê, ... là những người có liên quan trong việc tham gia mua bán ma túy với Đ, H, B, G, N. Hiện đã bỏ đi khỏi địa phương hoặc không rõ họ, tên, địa chỉ cụ thể nên không thể điều tra, xác minh. Cơ quan điều tra tiếp tục làm rõ xử lý sau.

- Trương Tiểu B1, Nguyễn Thị Ngọc H, Nguyễn Thị Chúc L, Huỳnh Thị Huỳnh Nh, Đỗ Thị Anh Th, Trần Thị Châu Đ1 thừa nhận trong thời gian làm nhân viên quán Karaoke “Ruby” có sử dụng trái phép chất ma túy cùng với khách tại quán, Cơ quan điều tra chuyển xử lý hành chính là phù hợp.

- Các bị cáo Đ, H, B, G, N khai có bán ma túy và cho khách sử dụng địa điểm quán Karaoke “Ruby” để sử dụng trái phép chất ma túy là trái pháp luật có dấu hiệu của tội Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy. Nhưng xét thấy, chưa xác định được cụ thể người tham gia sử dụng trái phép chất ma túy tại quán Karaoke “Ruby”, Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục làm rõ xử lý sau.

- Phạm Thị Nhật P, Trịnh Ngọc C là chủ cơ sở kinh doanh quán karaoke “Ruby” nhưng không kiểm tra, quản lý, để cho Đ và đồng phạm lợi dụng mua bán và sử dụng trái phép chất ma túy tại quán. P, C không biết, không tham gia vào hoạt động phạm tội của Đ nên Cơ quan Cảnh sát điều tra có Công văn đề nghị Công an huyện T, Ủy ban nhân dân huyện T xem xét xử lý vi phạm hành chính lĩnh vực kinh doanh có điều kiện theo quy định.

- Huỳnh Công H1 (Hải, Đặt, Đạt), theo bị cáo N khai H1 là người mua ma túy do N bán vào ngày 03/02/2021 nhưng H1 không thừa nhận. Ngoài lời khai của N, không có chứng cứ khác nên chưa đủ căn cứ xử lý đối với H1.

- Nguyễn Thị Th, Võ Chí V, Lê Trọng D, Nguyễn Văn Ng, Nguyễn Ngọc Giao L là những người có mặt trong phòng Vip 5555, khai không biết và không liên quan gì đến số ma túy bị phát hiện thu giữ, nên không có căn cứ để xử lý đối với những người này.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, thì thấy:

MDMA và Ketamine là chất ma túy, chất gây nghiện cực kỳ nguy hiểm bởi nó hủy hoại sức khỏe và trí lực người sử dụng, làm mất khả năng lao động, rối loạn hành vi, ảnh hưởng xấu đến đạo đức và thuần phong mỹ tục của dân tộc, nó còn làm tiêu tán tài sản, gây kiệt quệ nền kinh tế, phá vỡ hạnh phúc gia đình, là nguyên nhân làm phát sinh nhiều tệ nạn xã hội và tội phạm khác, ảnh hưởng xấu đến xã hội. Các bị cáo nhận thức được hành vi của bản thân là vi phạm pháp luật, biết rõ tác hại của chất ma túy gây ra các hậu quả xấu cho xã hội là như thế nào. Lẽ ra, các bị cáo phải biết cố gắng lao động tạo ra của cải vật chất để nuôi sống bản thân, gia đình và giúp ích cho xã hội. Nhưng chỉ vì hám lợi, muốn có chất ma túy sử dụng, có nhiều tiền để tiêu xài mà không phải mất công lao động cực nhọc, các bị cáo đã bất chấp pháp luật, hậu quả xảy ra và cố ý dấn sâu vào con đường phạm tội thực hiện việc mua bán trái phép chất ma túy nhiều lần, loại MDMA có tổng khối lượng là **304,8157 gam** và loại Ketamine có khối lượng **25,8326 gam**.

Để đánh giá đúng tính chất của vụ án có đồng phạm, cần phân hóa vai trò trách nhiệm của từng bị cáo để xử lý:

Đối với Trịnh Phước Đ, bị cáo là người giữ vai trò chính trong vụ án, bởi lẽ khối lượng ma túy 304,8157 gam MDMA và 25,8326 gam Ketamine bị phát hiện,

thu giữ khi khám xét là của bị cáo. Do hoạt động của quán karaoke không hiệu quả, nhằm lôi kéo khách tới quán và hám lợi, muốn có nhiều tiền tiêu xài cá nhân mà bị cáo đã lợi dụng cơ sở làm ăn của gia đình tổ chức thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy. Bị cáo mua ma túy của nam thanh niên trên Thành phố Hồ Chí Minh về phân lẻ, sau đó lôi kéo và giao cho Nguyễn Ngọc H trực tiếp điều hành việc mua bán ma túy còn bị cáo đứng sau phân công quản lý chặt chẽ hoạt động mua bán ma túy. Hơn thế nữa, bị cáo còn rủ rê, lôi kéo nhân viên trong quán tiếp tay, bán ma túy cho khách trong đó có Trần Kim B, Thái Văn N là người dưới 18 tuổi. Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội khi mua bán ma túy nhiều lần với số lượng đặc biệt lớn, xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội.

Đối với Nguyễn Ngọc H, bị cáo là người đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có sức khỏe, có thu nhập ổn định, đảm bảo cho cuộc sống, nhận thức được mua bán trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vì hám lợi bị cáo vẫn cố ý thực hiện, tham gia giúp sức tích cực cho Đ mua bán ma túy nhiều lần; là người trực tiếp nhận ma túy từ Đ sau đó phân công, lôi kéo và giao lại ma túy cho nhân viên của quán để mang vào phòng hát cho khách sử dụng. Ngày 03/02/2021 bị cáo H kêu N, G mang ma túy bán cho khách tại phòng thì bị phát hiện bắt giữ quả tang, thu giữ 0,9353 gam Ketamine và 0,8983 gam MDMA và khám xét nơi ở của bị cáo và Kim B thu giữ thêm 6,2605 gam Ketamine, trong đó có Kim B và N là người dưới 18 tuổi giúp sức cho bị cáo thực hiện tội phạm.

Đối với bị cáo Trần Kim B, Võ Văn G, Thái Văn N, các bị cáo đều là người đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có sức khỏe, mặc dù biết mua bán trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện. Từ tháng 01/2021 đến ngày 03/02/2021 các bị cáo giúp sức cho H, Đ bán ma túy cho khách đến quán nhiều lần, cụ thể: bị cáo Trần Kim B lấy ma túy của Đ do H cất giấu trong phòng khoảng 04 – 05 lần và đưa cho các nhân viên của quán mang ma túy bán cho khách, bị cáo G và N lần lượt 05 và 03 lần giúp sức cho H bán ma túy của Đ cho khách đến quán. Trong quá trình thực hiện các bị cáo đều được H chia tiền hưởng lợi từ hoạt động mua bán ma túy.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội; bị cáo Trịnh Phước Đ phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội” và “Phạm tội 02 lần trở lên”; bị cáo Nguyễn Ngọc H phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội”; xâm phạm đến chính sách độc quyền và các quy định của Nhà nước về quản lý các chất ma túy; gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Do đó, cần phải xét xử các bị cáo với một mức án nghiêm, tương xứng với hành vi phạm tội mới đủ tác dụng giáo dục, cải tạo nhằm răn đe và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, xét thấy trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ rõ thái độ ăn năn hối cải; tự thú những lần phạm tội trước; Bị cáo Đ có ông bà tham gia kháng chiến được tặng thưởng Huân huy chương; bản thân bị cáo khi tham gia N vụ quân sự được tặng giấy khen trong huấn luyện; giao nộp một phần tiền thu lợi bất chính là 80.000.000 đồng; có con còn nhỏ mới sinh. Bị cáo H và Kim B tới cơ quan Công an đầu thú; Bị cáo N tích cực hợp tác với cơ

quan có trách nhiệm trong quá trình giải quyết vụ án. Ngoài ra, bị cáo Kim B và N khi thực hiện hành vi phạm tội là người dưới 18 tuổi, nên được xem xét áp dụng chính sách khoan hồng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội. Vì vậy, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử có cân nhắc xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo các bị cáo.

[4] Các biện pháp tư pháp khác:

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa đã chứng minh được bị cáo Trịnh Phước Đ thu lợi bất chính với số tiền 94.500.000 đồng, bị cáo Nguyễn Ngọc H thu lợi bất chính 9.600.000 đồng từ hành vi mua bán trái phép chất ma túy, nên buộc các bị cáo giao nộp ngân sách nhà nước.

* Tịch thu tiêu hủy số lượng ma túy và các vật chứng khác không còn giá trị sử dụng được thu giữ trong quá trình điều tra.

* Giao 50 viên đạn cao su và 05 viên đạn quân dụng cho Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội- Công an tỉnh An Giang xử lý theo quy định.

* Tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước:

- Tiền Việt Nam: 24.500.000đ (Hai mươi bốn triệu năm trăm nghìn đồng) thu giữ của bị cáo H và N khai là tiền bán ma túy có được, chưa giao lại cho Đ.

- 01 (một) điện thoại hiệu nhãn hiệu Vivo, model Vivo 1915, có số Imei 1: 867966046482752, số Imei 2: 867966046482745, bên trong có gắn 02 thẻ sim, đã qua sử dụng của Võ Văn G làm phương tiện sử dụng vào việc phạm tội.

* Trả lại các tài sản, giấy tờ cá nhân không liên quan đến việc phạm tội:

1. Trịnh Phước Đ: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, model Iphone 12 Pro Max, có số Imei: 355719420263242, bên trong có gắn 01 thẻ sim, đã qua sử dụng và 01 (một) điện thoại di động hiệu Realme (đã qua sử dụng), model Realme C2, có số Imei 1: 8615990421748, số Imei 2: 861599042174846.

2. Phan Thị Nhật P: 01 (một) đầu thu hiệu Puratech, model: PRC, 3700A 8CH AHD 5MP, Power: 12VDC (đã qua sử dụng)

3. Nguyễn Ngọc H: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, model Iphone 7 Plus màu Gold, có số Imei: 359215071951827, bên trong có gắn 01 thẻ sim, đã qua sử dụng và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1202 màu xám xanh, có số Imei: 393198059456251, đã qua sử dụng; 01 (một) giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Ngọc H, hạng A1; 01 (một) giấy chứng minh nhân dân tên Nguyễn Ngọc H.

4. Nguyễn Ngọc An K: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, model Galaxy Wide4, có số Imei: 356034103884622, bên trong có gắn 01 thẻ sim, đã qua sử dụng.

5. Hồ Đình T: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xs Max, có số Imei: 353094103142168, bên trong có gắn 01 thẻ sim, đã qua sử dụng.

6. Trần Văn N E: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, có số Imei 1: 869347032775459, số Imei 2: 869347032775442, bên trong có gắn 01 thẻ sim, đã qua sử dụng.

7. Huỳnh G: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, model Iphone 8, có số Imei: 354890099380517, bên trong có gắn 01 thẻ sim, đã qua sử dụng.

* Tạm quản lý số tiền để đảm bảo thi hành án:

1. Tiền Việt Nam: 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm ngàn đồng). Bị cáo H khai là tiền lương của H nhận được trước lúc quán bị khám xét và không liên quan đến hoạt động phạm tội.

2. Tiền Việt Nam: 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng) do gia đình bị cáo Trịnh Phước Đ tạm nộp tiền thu lợi bất chính từ hành vi mua bán trái phép chất ma túy, theo Biên lai số 0000012 ngày 07/12/2021 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh An Giang.

Các vật chứng trên được quản lý theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 06/10/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

[5] Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Lời trình bày bào chữa của luật sư và trợ giúp viên pháp lý được Hội đồng xét xử xem xét trong lúc nghị án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Trịnh Phước Đ, Nguyễn Ngọc H, Võ Văn G, Trần Kim B, Thái Văn N phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

* Áp dụng: điểm h khoản 4 Điều 251; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, o khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 58; Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Trịnh Phước Đ 20 (hai mươi) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 10/4/2021.

* Áp dụng: điểm b khoản 2 Điều 251; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. (Riêng bị cáo Nguyễn Ngọc H áp dụng thêm điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự)

Xử phạt:

- Bị cáo Nguyễn Ngọc H 08 (tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 06/6/2021.

- Bị cáo Võ Văn G 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 04/02/2021.

* Áp dụng: điểm b khoản 2 Điều 251; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58; khoản 6 Điều 91; khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự

năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. (Riêng bị cáo Thái Văn N áp dụng thêm điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự)

Xử phạt:

- Bị cáo Trần Kim B 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 03/6/2021.
- Bị cáo Thái Văn N 04 (bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù. (Được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 04/02/2021 đến ngày 14/5/2021).

Các biện pháp tư pháp khác:

Áp dụng: Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định án phí, lệ phí Tòa án.

* Buộc các bị cáo giao nộp ngân sách nhà nước tiền thu lợi bất chính:

- Trịnh Phước Đ: 94.500.000 đồng. (Chín mươi bốn triệu năm trăm nghìn đồng)

- Nguyễn Ngọc H : 9.600.000 đồng. (Chín triệu sáu trăm nghìn đồng)

* Tịch thu tiêu hủy số lượng ma túy và các vật chứng khác không còn giá trị sử dụng được thu giữ trong quá trình điều tra.

* Giao 50 viên đạn cao su và 05 viên đạn quân dụng cho Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội- Công an tỉnh An Giang xử lý theo quy định.

* Tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước:

- Tiền Việt Nam: 24.500.000đ (Hai mươi bốn triệu năm trăm nghìn đồng) thu giữ của bị cáo H và N khai là tiền bán ma túy có được, chưa giao lại cho Đ.

- 01 (một) điện thoại hiệu nhãn hiệu Vivo, model Vivo 1915, có số Imei 1: 867966046482752, số Imei 2: 867966046482745, bên trong có gắn 02 thẻ sim, đã qua sử dụng của Võ Văn G làm phương tiện sử dụng vào việc phạm tội.

* Trả lại các tài sản, giấy tờ cá nhân không liên quan đến việc phạm tội:

1. Trịnh Phước Đ: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, model Iphone 12 Pro Max, có số Imei: 355719420263242, bên trong có gắn 01 thẻ sim, đã qua sử dụng và 01 (một) điện thoại di động hiệu Realme (đã qua sử dụng), model Realme C2, có số Imei 1: 8615990421748, số Imei 2: 861599042174846.

2. Phan Thị Nhật P: 01 (một) đầu thu hiệu Puratech, model: PRC, 3700A 8CH AHD 5MP, Power: 12VDC (đã qua sử dụng)

3. Nguyễn Ngọc H: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, model Iphone 7 Plus màu Gold, có số Imei: 359215071951827, bên trong có gắn 01 thẻ sim, đã qua sử dụng và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1202 màu xám xanh, có số Imei: 393198059456251, đã qua sử dụng; 01 (một) giấy phép lái

xe mang tên Nguyễn Ngọc H, hạng A1; 01 (một) giấy chứng minh nhân dân tên Nguyễn Ngọc H.

4. Nguyễn Ngọc An K: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, model Galaxy Wide4, có số Imei: 356034103884622, bên trong có gắn 01 thẻ sim, đã qua sử dụng.

5. Hồ Đình T: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xs Max, có số Imei: 353094103142168, bên trong có gắn 01 thẻ sim, đã qua sử dụng.

6. Trần Văn N E: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, có số Imei 1: 869347032775459, số Imei 2: 869347032775442, bên trong có gắn 01 thẻ sim, đã qua sử dụng.

7. Huỳnh G: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, model Iphone 8, có số Imei: 354890099380517, bên trong có gắn 01 thẻ sim, đã qua sử dụng.

* Tạm quản lý số tiền để đảm bảo thi hành án:

1. Tiền Việt Nam: 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm ngàn đồng). Bị cáo H khai là tiền lương của H nhận được trước lúc quán bị khám xét và không liên quan đến hoạt động phạm tội.

2. Tiền Việt Nam: 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng) do gia đình bị cáo Trịnh Phước Đ tạm nộp tiền thu lợi bất chính từ hành vi mua bán trái phép chất ma túy, theo Biên lai số 0000012 ngày 07/12/2021 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh An Giang.

Các vật chứng trên được quản lý theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 06/10/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

Các bị cáo Trịnh Phước Đ, Nguyễn Ngọc H, Trần Kim B, Võ Văn G, Thái Văn N mỗi người phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo Trịnh Phước Đ, Nguyễn Ngọc H, Trần Kim B, Võ Văn G, Thái Văn N và người có quyền lợi N vụ liên quan Phan Thị Nhật P, Nguyễn Ngọc An K, Hồ Đình T, Trần Văn N E, Huỳnh G được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hoặc kể từ bản án được niêm yết.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nhưng người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thì còn phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, sự tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TPHCM;
- VKSND cấp cao tại TPHCM;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Cục THA.DS tỉnh An Giang;
- Trại tạm giam;
- Văn phòng CSĐT (PC01)
- Phòng CSĐT (PC04)
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi N vụ liên quan;
- Phòng KTNV&THA;
- Tòa Hình sự;
- PV 06;
- Sở Tư pháp;
- Văn phòng;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****Thái Văn Chấn**